TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2021
"*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cảnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L – sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Minh H – sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Tôi và ông Trần Minh H kết hôn vào ngày 23/10/2006 tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chúng tôi dần phát sinh mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn, không thể giải quyết được với nhau, vì vậy tôi làm đơn này kính mong Tòa án xem xét và giải quyết cho chúng tôi được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

Về con chung, có 03 con là Trần Minh H1 – sinh ngày 22/8/2006, Trần Thị Thanh T – sinh ngày 13/4/2009 và Trần Nguyễn Nguyên T – sinh ngày 18/7/2014. Sau ly hôn, tôi xin được quyền nuôi con vì anh H là tài xế, thường xuyên vắng nhà và tôi đề

nghị anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng tự giải quyết.

Tại bản tự khai, ông Trần Minh H trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Bích L yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K. Tôi thừa nhận cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Tôi vẫn còn tình cảm với vợ nên không muốn ly hôn.

Về con chung, chúng tôi có 03 con là Trần Minh H1 – sinh ngày 22/8/2006, Trần Thị Thanh T – sinh ngày 13/4/2009 và Trần Nguyễn Nguyên T – sinh ngày 18/7/2014. Do tôi không muốn ly hôn nên vợ chồng sẽ có trách nhiệm nuôi các cháu.

Về tài sản và nợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, hòa giải thì bà Nguyễn Thị Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu là được ly hôn với ông Trần Minh H và nguyện vọng nuôi các cháu Trần Minh H1, Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Nguyên T. Ông Trần Minh H không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích L vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình về việc ly hôn và nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con thì bà L không yêu cầu phải cấp dưỡng để nuôi con. Ông Trần Minh H vắng mặt không có lý do.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16/9/2020, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L về yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H và việc nuôi con chung. Ông Trần Minh H cư trú tại tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[2]. Quan hệ pháp luật: Việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L được xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Minh H đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử, thông báo hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án.

[4.1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Trần Minh H yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K vào ngày 23/10/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên hai người không có hạnh phúc.

Qua xác minh tại Chi hội Phụ nữ tổ dân phố 7 – thị trấn K thì thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông H không được hạnh phúc, nguyên nhân do cách sống của ông H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thường xuyên vắng nhà và đôi khi giữa hai vợ chồng có xích mích, lời qua tiếng lại với nhau. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Bích L và ông Trần Minh H đã sống ly thân với nhau.

Xét nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông Trần Minh H không quan tâm, chăm lo cuộc sống của gia đình, hạnh phúc vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Bích L với ông Trần Minh H đã xảy ra và thực tế hai người đã sống ly thân với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn và mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyện vọng của bà L là mong muốn được ly hôn với ông H là có căn cứ nên cần chấp nhận để bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Minh H.

[4.2]. Về con chung: Các con chung gồm có cháu Trần Minh H1 – sinh ngày 22/8/2006, Trần Thị Thanh T – sinh ngày 13/4/2009 và Trần Nguyễn Nguyên T – sinh ngày 18/7/2014. Tại thời điểm, các cháu đang ở cùng với bà Nguyễn Thị Bích L nên để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu cũng như sự phát triển tốt cho các cháu, cần giao các cháu H1, T và T cho bà Nguyễn Thị Bích L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4.3]. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Minh H.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Minh H1 – sinh ngày 22/8/2006, Trần Thị Thanh T – sinh ngày 13/4/2009 và Trần Nguyễn Nguyên T – sinh ngày 18/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Bích L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Minh H được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không bị cản trở.

Việc giao con chỉ là tạm thời. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0009360 ngày 22/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*